

Bản án số: 35/2018/HS-ST
Ngày 25/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiềm.

Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Duy Trường;

Ông Cao Sơn Thủy;

Ông Đinh Nam Tước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lữ Văn Q, sinh ngày: 26/5/1982 tại huyện Y, tỉnh Sơn La.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Bản T, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lữ Văn Y1 và bà Mè Thị L; vợ: Mè Thị K; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2017 đến nay; có mặt.

2. Quảng Văn B, sinh ngày: 10/02/1968 tại huyện Y, tỉnh Sơn La.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Bản H, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quảng Văn H1 và bà Lữ Thị Đ; vợ: Lò Thị H2; con: Có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 025068/QĐ-XPHC ngày 18/6/2013 bị cáo Quảng Văn B bị Công an huyện Y, tỉnh Sơn La xử phạt

1.000.000đồng (một triệu đồng) về hành vi đánh bạc; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2017 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lữ Văn Q:* Bà Triệu Thị Kim L - Luật sư Văn phòng Luật sư T1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn B:* Ông Lê Viết Đ - Luật sư Văn phòng Luật sư T1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 22/8/2017, Lữ Văn Q điện thoại rủ Quàng Văn B đi Hà Nội mua đồ sửa chữa điện tử, do cũng đang có nhu cầu đi Bệnh viện K thăm con gái điều trị và đi mua phụ tùng máy xúc nên Quàng Văn B đồng ý. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Lữ Văn Q và Quàng Văn B đón xe đi Hà Nội, khi đi Lữ Văn Q đem theo hơn 8.000.000đồng (tám triệu đồng), Quàng Văn B đem theo hơn 170.000.000đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng). Khoảng 22 giờ cùng ngày cả hai đến bến xe M và bắt taxi sang khu vực bến xe Y1, H3 thuê phòng nghỉ qua đêm.

Sáng ngày 23/8/2017, Quàng Văn B vào Bệnh viện K thăm con gái và cho con gái 20.000.000đồng, còn Lữ Văn Q đi tìm mua đồ điện tử nhưng không mua được, sau đó Lữ Văn Q gọi điện thoại cho Quàng Văn B hẹn gặp nhau tại bến xe M để đón xe về Sơn La. Khoảng hơn 11 giờ tại bến xe M, trong lúc đợi xe thì Lữ Văn Q đã điện thoại cho một người tên H4 ở Trung Quốc theo số điện thoại 0963.768.346 để hỏi mua tiền giả nhưng do ồn nên Lữ Văn Q không nghe rõ H4 nói gì. Trước đây Lữ Văn Q đã liên lạc với H4 theo số điện thoại 0962.718.160 để trao đổi việc mua bán tiền giả, số điện thoại này Lữ Văn Q và Quàng Văn B được người đàn ông lái xe ôm bên Trung Quốc cho cùng 02 tờ tiền giả mẫu loại 200.000đồng/tờ khi cả hai sang chợ L1 - Trung Quốc chơi, nhưng sau đó H4 đã nhắn tin lại cho Lữ Văn Q là đã thay đổi sang số điện thoại 0963.768.346.

Khoảng 13 giờ ngày 23/8/2017 Lữ Văn Q nhận được điện thoại của H4, H4 nói có tiền giả bán với tỷ giá 18% tức 9.000.000đồng (chín triệu đồng) tiền thật thì mua được 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) tiền giả, loại 200.000đồng/tờ, Lữ Văn Q muốn sang Trung Quốc xem. Lữ Văn Q nói lại với Quàng Văn B về nội dung cuộc trao đổi với H4 và rủ Quàng Văn B lên Lạng Sơn mua tiền giả, Quàng Văn B đồng ý. Sau đó cả hai đón xe khách lên Lạng Sơn để sang Trung Quốc mua tiền giả.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 23/8/2017, Lữ Văn Q và Quàng Văn B đến thị trấn Đ1, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn. Lữ Văn Q điện thoại cho H4 thì H4 hẹn hôm sau sang lấy tiền giả. Sau đó Lữ Văn Q và Quàng Văn B đi thuê nhà nghỉ, tại đây Lữ Văn Q hỏi Quàng Văn B mang có bao nhiêu tiền thì Quàng Văn B trả lời còn 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) tiền thật. Lữ Văn Q nói đã thỏa thuận được với H4 bên Trung Quốc mua 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng) tiền giả hết 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) tiền thật. Lữ Văn Q bảo

Quàng Văn B cho vay 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng), còn Quàng Văn B bỏ ra 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) để cùng mua. Số tiền giả mua được mang về sẽ chia đôi mỗi người 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng) để tiêu thụ, Quàng Văn B đồng ý. Sau đó Quàng Văn B nói với Lữ Văn Q khi nào trả 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) thì phải trả bằng tiền thật, Lữ Văn Q nhất trí.

Sau khi thống nhất xong, Quàng Văn B đưa cho Lữ Văn Q 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng), Quàng Văn B cầm theo 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) và để 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) vào dưới đệm của giường ngủ trong nhà nghỉ. Lữ Văn Q điện thoại cho H4 là sang Trung Quốc mua tiền giả luôn, H4 hướng dẫn Lữ Văn Q đón xe ôm lên khu vực C2, xã T1, huyện V đi theo những người bốc vác hàng sang Trung Quốc, đến đất Trung Quốc sẽ có người xe ôm lần trước đón, đưa đi mua tiền giả. Khoảng 20 giờ, cả hai đón xe ôm lên khu vực C2. Theo hướng dẫn của H4, Lữ Văn Q và Quàng Văn B đi theo đường mòn sang Trung Quốc, khi đi qua hàng rào thép xuống chân đồi thì gặp người đàn ông xe ôm là người lần trước cho Lữ Văn Q số điện thoại của H4 và 02 tờ tiền giả mẫu, người này chở cả hai vào trong nội địa Trung Quốc, khi đến bãi đất trống thì dừng lại. Tại đây Lữ Văn Q đưa cho người lái xe ôm 55.000.000đồng (năm mươi lăm triệu đồng) tiền thật, người lái xe ôm lấy một túi nilon màu đen đưa cho Lữ Văn Q và nói bên trong đã đủ 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng) tiền giả. Lữ Văn Q cầm túi nilon và mở ra thấy có một hộp cát tông màu xanh, bên trong hộp có 03 cọc tiền giả loại mệnh giá 200.000đồng/tờ, Lữ Văn Q đưa cho Quàng Văn B xem, do trời đang mưa nên cả hai không đếm cụ thể. Sau đó người lái xe ôm hỏi Lữ Văn Q đã đưa đủ 105.000.000đồng (một trăm linh năm triệu đồng) chưa, Lữ Văn Q nói đã đưa 55.000.000đồng (năm mươi lăm triệu đồng) và bảo Quàng Văn B đưa thêm cho người lái xe ôm 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng). Sau khi mua được tiền giả, người xe ôm đưa Lữ Văn Q và Quàng Văn B quay lại biên giới theo đường cũ, sau đó cả hai đi bộ theo đường mòn về Việt Nam, khi đến khu vực mốc 1106 thuộc thôn C3, xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thì bị Tổ công tác của trạm kiểm soát Biên phòng C3, đồn Biên phòng T2, tỉnh Lạng Sơn kiểm tra, bắt quả tang.

Tại Bản kết luận giám định số 214/GĐ-PC54 ngày 25/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ 03 cọc tiền = 2.940 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam loại polyme mệnh giá 200.000đồng/tờ = 588.000.000đồng thu giữ của Lữ Văn Q và Quàng Văn B qua giám định đều là tiền giả.

Ngoài ra Lữ Văn Q và Quàng Văn B còn khai nhận: Ngoài lần bị bắt quả tang đang vận chuyển tiền giả nêu trên, ngày 02/8/2017, Lữ Văn Q và Quàng Văn B lên cửa khẩu T2, tỉnh Lạng Sơn chơi và xuất cảnh sang Trung Quốc. Lữ Văn Q được người lái xe ôm bên Trung Quốc cho số điện thoại 0963.768.346 của người tên H4 có tiền giả bán và đưa cho Lữ Văn Q và Quàng Văn B hai tờ tiền giả mẫu loại 200.000đồng/tờ. Sau đó khi cả hai về cửa khẩu T2 thì được hai người phụ nữ bán hàng rong ở chợ T2 (không rõ họ tên, địa chỉ) bán cho 100.000.000đồng tiền giả với giá 10.000.000đồng tiền thật. Người phụ nữ bán tiền giả đưa cho Lữ Văn Q và Quàng Văn B một túi nilon màu đen và dặn cả hai không cần kiểm đếm để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Khoảng 02 giờ sáng ngày 03/8/2017, Lữ Văn Q và

Quàng Văn B về nhà mở ra kiểm tra thì phát hiện bên trong toàn tiền âm phủ, chỉ có 04 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng và một tờ mệnh giá 100.000đồng. Lữ Văn Q lấy hai tờ tiền giả mẫu ở trong ví ra cho chung vào số tiền giả mua được này. Sau đó Quàng Văn B lấy 05 tờ tiền giả mệnh giá 200.000đồng, Lữ Văn Q lấy một tờ loại mệnh giá 200.000đồng và một tờ loại mệnh giá 100.000đồng.

Sau khi lấy 05 tờ tiền giả, Quàng Văn B đã đưa cho anh Lò Đức T3 là cán bộ Công an huyện Y, tỉnh Sơn La một tờ, đưa cho anh Lò Văn T4 là trưởng bản Bản H, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La một tờ, đưa cho anh Lò Văn A là trưởng bản Bản T, xã C, huyện Y một tờ mục đích để những người này tuyên truyền cho nhân dân biết về tiền giả; còn hai tờ Quàng Văn B cất giữ tại nhà. Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập lấy lời khai của Lò Đức T3, Lò Văn T4, Lò Văn A và tiến hành cho đối chất. Kết quả không có việc Quàng Văn B đưa tiền cho những người này mà 05 tờ tiền đó Quàng Văn B đã đốt hết. Lữ Văn Q đã mang đi tiêu thụ một tờ mệnh giá 100.000đồng, còn một tờ mệnh giá 200.000đồng Lữ Văn Q đã cất góc và dán vào tủ kính bán đồ điện thoại của nhà mình.

Ngày 08/9/2017, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét chỗ ở của Lữ Văn Q và Quàng Văn B nhưng không thu được tiền giả. Do vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với các bị cáo Lữ Văn Q và Quàng Văn B về lần vận chuyển tiền giả này.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản cáo trạng số: 29/CT-VKS-P3 ngày 16 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Lữ Văn Q và Quàng Văn B về tội Vận chuyển tiền giả theo khoản 3 Điều 180 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lữ Văn Q và Quàng Văn B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Lữ Văn Q và Quàng Văn B. Sau khi phân tích tính chất mức độ của hành vi phạm tội và đề cập nhân thân, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong vụ án, cụ thể: Đối với bị cáo Quàng Văn B thành khẩn khai báo, có bố đẻ là ông Quàng Văn H1 được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất; đối với bị cáo Lữ Văn Q thành khẩn khai báo, có bố vợ là ông Mè Văn M được thưởng huân chương chiến sỹ vẻ vang, bản thân bị cáo đi ở rể, là người trực tiếp chăm sóc ông Mè Văn M, theo phong tục địa phương bị cáo được coi như con đẻ của ông Mè Văn M. Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Từ đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lữ Văn Q và Quàng Văn B phạm tội "Vận chuyển tiền giả".

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 3 Điều 180, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lữ Văn Q mức án tù 18 năm đến 19 năm tù; xử phạt bị cáo Quảng Văn B mức án tù 18 năm đến 19 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lữ Văn Q và Quảng Văn B.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy đối với toàn bộ số tiền giả thu giữ của các bị cáo và những vật chứng không còn giá trị sử dụng. Vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo có giá trị thì cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước; những vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần hoàn trả cho các bị cáo; số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) thu giữ của bị cáo Quảng Văn B không liên quan đến tội phạm, có nguồn gốc do bị cáo vay của Ngân hàng Nông nghiệp huyện Y, tỉnh Sơn La về làm đường liên thôn nên cần trả lại cho bị cáo Quảng Văn B.

Người bào chữa cho bị cáo Lữ Văn Q và Người bào chữa cho bị cáo Quảng Văn B đều có chung quan điểm không tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát về phần tội danh. Về tình tiết giảm nhẹ, sau khi bị bắt các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Ngoài ra đây là vụ án bắt quả tang, số tiền giả đã bị cơ quan công an tịch thu tiêu hủy; bị cáo Lữ Văn Q có ông nội là Lữ Văn N và bố vợ là ông Mè Văn M được Nhà nước tặng thưởng huân huy chương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Bị cáo Quảng Văn B có bố đẻ là ông Quảng Văn H1 được Nhà nước tặng thưởng huân huy chương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Từ đó người bào chữa cho các bị cáo Lữ Văn Q và Quảng Văn B đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức án đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Lữ Văn Q và Quảng Văn B có ý kiến đã nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại đối với quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Các bị cáo Lữ Văn Q và Quảng Văn B tại phiên tòa đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và Kết luận giám định vật chứng thu được. Ngoài ra

còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận:

[3] Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 23/8/2017, các bị cáo Lữ Văn Q và Quảng Văn B đã trực tiếp xuất cảnh sang Trung Quốc mua 588.000.000đồng (năm trăm tám mươi tám triệu đồng) tiền Việt Nam giả loại mệnh giá 200.000đồng/tờ mang về Việt Nam tiêu thụ, khi đến khu vực mốc 1106 thuộc thôn C3, xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thì bị Tổ công tác của trạm kiểm soát Biên phòng C3, đồn Biên phòng T2, tỉnh Lạng Sơn kiểm tra, bắt quả tang. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lữ Văn Q và Quảng Văn B về tội "Vận chuyển tiền giả" theo khoản 3 Điều 180 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[4] Khoản 3 Điều 180 Bộ luật Hình sự năm 1999, quy định: “ *Phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân*”.

[5] Theo quy định tại điểm c tiểu mục 3.2 mục 3 phần I của Nghị quyết số: 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “*Nếu tiền giả có trị giá tương ứng từ một trăm triệu đồng tiền Việt Nam trở lên thì người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 180 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên cần phân biệt:*

- *Nếu tiền giả có trị giá tương ứng từ một trăm triệu đồng đến dưới một trăm năm mươi triệu đồng tiền Việt Nam là thuộc trường hợp rất nghiêm trọng;*

- *Nếu tiền giả có trị giá tương ứng từ một trăm năm mươi triệu đồng tiền Việt Nam trở lên là thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng*”.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo Lữ Văn Q và Quảng Văn B là nguy hiểm cho xã hội, số lượng tiền giả các bị cáo vận chuyển vào Việt Nam là 588.000.000đồng (năm trăm tám mươi tám triệu đồng) thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi đó đã xâm phạm đến chế độ quản lý tiền tệ của Nhà nước, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo có thể chất phát triển bình thường; có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự; các bị cáo nhận thức được việc vận chuyển tiền giả là vi phạm pháp luật nhưng vì háo lợi nên vẫn thực hiện.

[7] Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, để áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đối với từng bị cáo. Hội đồng xét xử đánh giá vai trò tính chất mức độ tham gia của từng bị cáo trong vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau:

[8] Trong vụ án này, bị cáo Lữ Văn Q là người thực hành tích cực, trực tiếp liên lạc với H4 giao dịch mua bán tiền giả, vận chuyển tiền giả; còn bị cáo Quảng Văn B là người cung cấp tiền thật để bị cáo Lữ Văn Q mua tiền giả và đi cùng bị cáo Lữ Văn Q. Do đó thấy rằng, bị cáo Lữ Văn Q có vai trò tích cực hơn bị cáo Quảng Văn B.

[9] Về nhân thân: Bị cáo Lữ Văn Q là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Quảng Văn B có nhân thân không tốt, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 025068/QĐ-XPHC ngày 18/6/2013 của Công an huyện Y, tỉnh Sơn La xử phạt bị cáo Quảng Văn B 1.000.000đồng (một triệu đồng) về hành vi đánh bạc.

[10] Về tình tiết tăng nặng: Ngoài tình tiết định khung hình phạt, các bị cáo Lữ Văn Q và Quảng Văn B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Lữ Văn Q và Quảng Văn B đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, ngoài ra bị cáo Lữ Văn Q có ông nội là Lữ Văn N được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất và bố vợ là ông Mè Văn M được Nhà nước tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang, bản thân bị cáo Lữ Văn Q đi ở rể, là người trực tiếp chăm sóc ông Mè Văn M, theo phong tục địa phương bị cáo được coi như con đẻ của ông Mè Văn M, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn; bị cáo Quảng Văn B có bố đẻ là ông Quảng Văn H1 được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

[11] Xét, các bị cáo Lữ Văn Q và Quảng Văn B không có tình tiết tăng nặng, có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, tuy nhiên số lượng tiền giả mà các bị cáo vận chuyển từ Trung Quốc vào Việt Nam là đặc biệt lớn nên cần thiết phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc mới tương xứng với mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, qua đó nhằm mục đích răn đe, giáo dục và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

[12] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh, các bị cáo Lữ Văn Q, Quảng Văn B không có tài sản để đảm bảo việc thi hành án, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo

[13] Về vật chứng của vụ án: Số tiền Việt Nam giả là vật Nhà nước cấm lưu hành; 01 (một) túi nilon màu đen có in chữ Trung Quốc, 01 túi nilon màu đen có in dòng chữ BIDV, 01 hộp bia cát tông màu xanh dương không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. 01 điện thoại OPPO màu trắng của bị cáo Lữ Văn Q sử dụng để lạc trao đổi mua bán tiền giả với đối tượng tên H4 cần tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước. 01 điện thoại di động Masstel màu xám đen của bị cáo Lữ Văn Q, 01 chứng minh thư mang tên Lữ Văn Q; 01 điện thoại GIONEE màu đỏ đen, 01 điện thoại di động OPPO màu trắng hồng, 01 chứng minh thư mang tên Quảng Văn B do không liên quan đến vụ án nên trả lại cho các bị cáo. Đối với số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) của bị cáo Quảng Văn B không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

[14] Từ những phân tích trên thấy rằng cần chấp nhận ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát do phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Ý kiến của Người bào chữa cho các bị cáo Lữ Văn Q và Quàng Văn B do không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[15] Trong vụ án còn một số đối tượng khác, nhưng không đủ căn cứ để điều tra, xác minh làm rõ nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét xử lý những đối tượng đó trong bản án này.

[16] Các bị cáo Lữ Văn Q và Quàng Văn B bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm, theo Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[17] Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 180; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Lữ Văn Q và Quàng Văn B;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự 1999; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

I. Về tội danh và hình phạt:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lữ Văn Q và Quàng Văn B phạm tội "Vận chuyển tiền giả".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lữ Văn Q 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/8/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lữ Văn Q.

2.2. Xử phạt bị cáo Quàng Văn B 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/8/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Quàng Văn B.

II. Về xử lý vật chứng:

1. Tịch thu tiêu hủy:

1.1. 01 hộp niêm phong hình khối chữ nhật màu trắng dán kín. Kích thước dài 31cm; rộng 22cm; cao 08cm. Tại các mép dán có chữ ký cùng tên của Hoàng Văn D, Nông Quang P, Phạm Công C4 và 09 dấu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự

Công an tỉnh Lạng Sơn (bên trong có 2.932 tờ tiền Việt Nam giả loại mệnh giá 200.000 đồng/tờ);

1.2. 01 túi li non màu đen bên ngoài có in nhiều chữ nước ngoài (Trung Quốc);

1.3. 01 túi li non màu đen bên ngoài in dòng chữ BIDV ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Lạng Sơn;

1.4. 01 hộp bia cát tông màu xanh dương, bên ngoài có in chữ nước ngoài (Trung Quốc).

2. Tịch thu hóa giá, sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hãng OPPO màu trắng, Model: A33w, Số IMEI: 869700027960975 và IMEI: 869700027960967, bên trong có 02 (hai) sim, một sim Viettel số 0961583403 số seri sim không có do đã cắt; một sim Vina phone số 0945955459, có số seri sim là 89840 20001 05404 70671, và một thẻ nhớ Sandisk 8G.

3. Trả lại cho bị cáo Lữ Văn Q:

3.1. 01 điện thoại di động màu xám, đen, mặt trên in dòng chữ Masstel và A115 (điện thoại cũ đang sử dụng), Số IMEI: 358115006203321 và IMEI: 358115006203339 (kiểm tra bằng cách bấm *#06#) bên trong có 02 (hai) Sim Viettel, sim 1 không có số seri Sim do bị cắt (số thuê bao là 01675496800); Sim 2 có số seri Sim là 89840 48601 08821 9715 (thuê bao không hoạt động);

3.2. 01 chứng minh nhân dân số 050469149 mang tên Lữ Văn Q do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 20/5/2015.

4. Trả lại cho bị cáo Quảng Văn B:

4.1. Một điện thoại di động màu đỏ đen, mặt trên có ghi dòng chữ GIONEE và L800 (điện thoại cũ đang sử dụng) số IMEI: 860794027378592, SVN: 78 bên trong có gắn 02 sim, gồm 01 sim viettel số seri sim: 89840 48892 00961 3047 (số thuê bao 01649789788) và 01 sim Vinaphone có số seri sim: 89840 20002 16465 26167 (số thuê bao: 01238056086), và một thẻ nhớ Micro 02G.

4.2. Một điện thoại di động OPPO màu trắng hồng, có số IMEI 1: 863897039428714; IMEI 2: 863897039428706 (kiểm tra bằng cách bấm *#06#). Lắp 02 (hai) sim Viettel, trong đó sim 1 có số thuê bao là: 01629475448, có số seri sim là: 8984 0488 4100 2204 489; Sim 2 có số thuê bao là: 01696411197, có số seri sim là: 8984 04800 88115 03301; và 01 (một) thẻ nhớ Kingston 8G.

4.3. Một Chứng minh thư nhân dân số 050264304 mang tên Quảng Văn B do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 17/7/2003.

4.4. Một phong bì niêm phong được dán kín của Đồn biên phòng T2: Mặt trước phong bì có chữ "ĐỒN BIÊN PHÒNG T2 điện thoại: (0205) 3888 223" và chữ ký cùng tên của Nông Quang P, Hoàng Văn D, Lý Văn H5, Đàm Mạnh K cùng 02 (hai) dấu hình tròn đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn; Mặt sau phong bì niêm phong có chữ ký cùng tên của Nông Quang P, Hoàng Văn D, Lý Văn H5, Đàm Mạnh K cùng 04 (bốn) dấu hình tròn đỏ của

phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và chữ ký cùng tên của Hà Hoàng H6, Ngọc Lê K2, Quàng Văn B, Lương Phương Đ2, Lâm Bảo N và 03 (ba) hình dấu tròn màu đỏ của Công an thị trấn Đ1, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn. (Bên trong có 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) tiền NHNN Việt Nam. Trong đó 100 tờ loại mệnh giá 200.000đồng = 20.000.000đồng; 60 tờ loại mệnh giá 500.000đồng = 30.000.000đồng).

(Các vật chứng được ghi chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/5/2018 giữa Cơ quan điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

III. Về án phí:

Các bị cáo Lữ Văn Q và Quàng Văn B, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/6/2018)/.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ; tòa hình sự; HCTP;
- KTNV & THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiểm